



TỔNG CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC TRUNG TRUNG BỘ

VIETNAM METEOROLOGICAL AND HYDROLOGICAL ADMINISTRATION
MIDDLE OF CENTRAL PARTS HYDROMETEOROLOGICAL SERVICE

Địa chỉ: 660 Trưng Nữ Vương - quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng
Tel: 0236.3618295 - 2248116 - Mobile: 0914020238, 0976247996
Email: hmceal@gmail.com; Web: ktvtb.vn



VILAS 423

VIMCERTS 036

Số/Ref:599/2022/ML

Ngày/Date:20/9/2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Test report

(Phiếu kết quả này không được lập lại nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN)
(This test report not be reproduced without the written approval of Laboratory)

- Tên mẫu/ *Name of sample* : Nước thải
- Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NT1, NT2
- Số lượng mẫu/ *Quantity* : 02
- Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 09/9/2022
- Đặc trưng tình trạng mẫu/ *Characterization and condition of test sample*: Dạng lỏng
- Khách hàng/ *Client*: Công ty CP Đầu tư KCN Hòa Cầm
- Địa chỉ/ *Address*: Đường số 1, KCN Hòa Cầm, P.Hòa Thọ Tây, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng
- Kết quả phân tích/ *Test results*:

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)	
				NT1	NT2
1	pH ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	TCVN 6492:2011	-	7,54	7,41
2	Nhiệt độ ⁽¹⁾	SMEWW 2550B:2017	°C	26,6	26,4
3	Độ màu ⁽¹⁾	TCVN 6185C: 2015	Pt-Co	30	15
4	Chất rắn lơ lửng ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	31,2	24,6
5	BOD ₅ ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6001-1:2008	mg/L	26,5	11,2
6	COD ⁽¹⁾	SMEWW 5220C:2017	mg/L	50	20
7	Clorua(Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6194:1996	mg/L	78,01	60,28
8	Clorua ⁽¹⁾	TCVN 6225-3:2011	mg/L	< 0,30	< 0,30
9	NH ₄ ⁺ -N ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2017	mg/L	10,31	2,694
10	Sunfua (tính theo H ₂ S) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 S ₂ ,C&D:2017	mg/L	<0,03	<0,03
11	CN ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 4500CN'E:2017	mg/L	<0,006	<0,006
12	Phenol ⁽¹⁾	TCVN 6216:1996	mg/L	< 0,003	< 0,003
13	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 4500-F.B&D:2017	mg/L	0,778	0,732
14	Cr ³⁺ ⁽¹⁾	SMEWW 3500-Cr.B:2017	mg/L	< 0,030	< 0,030
15	Cr ⁶⁺ ⁽¹⁾	SMEWW 3500-Cr.B:2017	mg/L	< 0,018	< 0,018
16	Tổng N ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6638:2000	mg/L	28,5	12,8
17	Tổng P ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	1,813	0,386
18	As ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6626: 2000	mg/L	0,0035	0,0026
19	Hg ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 7877:2008	mg/L	<0,0006	<0,0006
20	Fe ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,522	0,261
21	Cu ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0665	0,0538
22	Zn ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0964	0,0814
23	Cd ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0046	0,0022
24	Mn ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0885	0,0734
25	Pb ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0465	0,0365
26	Ni ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0765	0,0376
27	Dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	1,0	0,3
28	Hoạt động phóng xạ α ⁽⁴⁾	TCVN 8879: 2011	Bq/L	KPH(MDL=0,029)	
29	Hoạt động phóng xạ β ⁽⁴⁾	TCVN 8879: 2011	Bq/L	KPH(MDL=0,029)	
30	PCBs ⁽⁴⁾ (PCB-28,52,101,118,138,153,180)	US EPA Method 3535A+ US EPA Method 8082A	mg/L	KPH(MDL=0,00003)	
31	Thuốc BVTV nhóm clo hữu cơ ⁽⁴⁾	US EPA Method 3535A+ US EPA Method 8081B	mg/L		
	Aldrin			KPH(MDL=0,00005)	

VIMCERTS 036: Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường không khí, nước, đất, trầm tích, bùn

BM 7.8/01

Lần ban hành: 01.19

Trang:

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)	
				NT1	NT2
	Benzen hexachloride(BHC)			KPH(MDL=0,00005)	
	Dieldrin			KPH(MDL=0,00005)	
32	Thuốc BVTV nhóm photpho hữu cơ ⁽⁴⁾	US EPA Method 3535A+ US EPA Method 8141B	mg/L		
	Disulfoton			KPH(MDL=0,0005)	
	Methyl - Parathion			KPH(MDL=0,0005)	
	Phorat			KPH(MDL=0,0005)	
33	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 6187-2:1996	MPN/100mL	4600	1100

Ghi chú:

- NT1: Mẫu nước đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Cầm

- NT2: Mẫu nước đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Cầm

(1) Các chỉ tiêu được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường, số hiệu: VIMCERTS 036.

(2) Các chỉ tiêu đã được văn phòng Công nhận Chất lượng Việt Nam: Công nhận VILAS 423.

(3) Các chỉ tiêu đã tham gia: Implementation of Inter-laboratory comparison projects-The Acid Deposition Monitoring Network in East Asia (Eanet-vn2)

(4) Gửi nhà thầu phụ VIMCERTS 026

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm,

- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Huỳnh Văn Tinh

**TL.GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**



Nguyễn Minh Thiên